

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 02 - 2026

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đình Mùi.

2. Ông Hà Công Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11/11/2025 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Thu H**, sinh năm xxxx. Địa chỉ: Xóm BM, xã KP, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Đàm Văn Đ**, sinh năm xxxx. Địa chỉ: Thôn CP 1, xã GH, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị **Hoàng Thị Thu H** trình bày: Chị và anh **Đàm Văn Đ** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã GH, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn CP 1, xã GH, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, anh **Đàm Văn Đ** nghiện ma túy, bạo lực gia đình và không chịu khó làm ăn lo toan cho gia đình nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Đàm Văn Đ** đã sống ly

thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Hoàng Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn Đ. Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Đàm Văn Đ có 02 con chung là cháu Đàm Vi H, sinh ngày 16/11/xxxx và cháu Hoàng Thị Thu H1, sinh ngày 01/01/xxxx, ly hôn chị Hoàng Thị Thu H có nguyện vọng muốn nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Đàm Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị Thu H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đàm Văn Đ không đến Toà án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 18/12/2025 với Trưởng Thôn CP 1, xã GH thể hiện: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Đàm Văn Đ có đăng ký kết hôn với nhau năm 2016 tại UBND xã GH, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chị Hoàng Thị Thu H, anh Đàm Văn Đ chung sống tại thôn CP 1, xã GH. Theo như trưởng thôn cho biết chị H và anh Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ nghiện ma túy không chịu khó làm ăn nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2019 đến nay chị H và anh Đ đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Về con chung chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Đàm Vi H, sinh ngày 16/11/xxxx và cháu Hoàng Thị Thu H1, sinh ngày 01/01/xxxx. Chị H làm ruộng, trồng trọt và chăn nuôi, khi nông nhàn thì chị H đi làm công nhân với thu nhập từ 6 triệu đến 7 triệu đồng /1 tháng. Trưởng thôn đã tiến hành giao thông báo thụ lý cho anh Đ và anh Đ có nói rằng hiện tại thường xuyên đi làm xa, anh Đ không đến Tòa án để kê chị H tự giải quyết ly hôn theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Đàm Vi H, sinh ngày 16/11/xxxx cháu Đàm Vi H có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H: Xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Hoàng Văn Đ; Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh Đàm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí nguyên đơn chịu án phí, đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đàm Văn Đ là bị đơn có nơi ở và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn CP 1, xã GH, tỉnh Lào Cai, vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Đàm Văn Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Hoàng Thị Thu H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị Thu H và anh Đàm Văn Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Đàm Văn Đ tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã GH, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Thu H và anh Đàm Văn Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị Hoàng Thị Thu H trình bày sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn CP 1, xã GH, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đàm Văn Đ rượu chè, nghiện ma túy, bạo lực gia đình, không chịu khó làm ăn nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện chị Hoàng Thị Thu H và anh Đàm Văn Đ đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Hoàng Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn Đ. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương thể hiện chị Hoàng Thị Thu H và anh Đ có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh Đ chung sống tại Thôn CP 1, xã GH, quá trình chung sống chị Hoàng Thị Thu H và anh Đ có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không chịu khó làm ăn, nghiện ma túy, không lo lắng cho vợ con nên hai vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng chị H và anh Đ cũng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị Thu H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn tình nghĩa với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Thu H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: 02 con chung là cháu Đàm Vi H, sinh ngày 16/11/xxxx và cháu Hoàng Thị Thu H1, sinh ngày 01/01/xxxx, ly hôn chị Hoàng Thị Thu H có nguyện vọng muốn nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Đàm Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Mức thu nhập hàng tháng của chị Hoàng Thị Thu H với công việc trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê từ 06 triệu đến gần 07 triệu đồng/ 1 tháng. HĐXX thấy để đảm bảo việc chăm lo, giáo dục con trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, bảo đảm quyền và lợi ích của người phụ nữ và con chưa thành niên, cần giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do chị Hoàng Thị Thu H không yêu cầu anh Đàm Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Đàm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đàm Vi H, sinh ngày 16/11/xxxx và cháu Hoàng Thị Thu H1, sinh ngày 01/01/xxxx, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đàm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai Ký hiệu BLTU/25E số 0001884 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, chị Hoàng Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
 - VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
 - THADS tỉnh Lào Cai;
 - Các đương sự;
 - UBND xã GH
- (Số 42 ngày 14/10/2016);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long